TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10-7-2020
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Viết Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Xuân Bỉnh

2. Bà Phan Thị Gái.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Thanh Nhàn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tố Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T (sinh năm 1989); địa chỉ: Thôn C , xã T , huyện H , tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình B (sinh năm 1982); địa chỉ: Thôn C , xã T , huyện H , tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Đình B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị ngày 24/02/2016. Từ lúc kết hôn đến nay vợ chồng chung sống với nhau xảy ra

nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không được hạnh phúc, anh B thường xuyên đánh đập, chửi bới chị T.

Mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết những vấn đề sau:

- Về tình cảm: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình B.

- Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/4/2017. Chị T hiện là công nhân may tại cơ sở may QH tại thị trấn K, huyện Đ với mức thu nhập ổn định 5.000.000 đồng – 5.200.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Q. Ngoài ra, cháu Q vẫn còn nhỏ, mới chỉ ngoài 3 tuổi nên chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến các ngày 28/4/2020 và 09/6/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn trình bày:

- Về tình cảm: Anh B đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh B cho rằng chị T không đủ điều kiện kinh tế, vật chất, điều kiện sống, thu nhập thấp, không có chỗ ở ổn định, đang sống phụ thuộc vào gia đình, không có tinh thần trách nhiệm với con nên anh B không đồng ý cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con.

Hiện tại anh B đang nuôi con với điều kiện đầy đủ, cháu Q đang học tại trường mầm non xã T ở gần nhà nên rất thuận tiện trong việc đưa đón. Ngoài ra, cháu Q còn được ông bà nội quan tâm, chăm sóc hàng ngày. Anh B hiện là Tổ trưởng Tổ thu phí tại Trung tâm thương mại L, có thu nhập ổn định theo ngạch viên chức nhà nước, mức lương hiện tại là 5.215.000 đồng/tháng. Ngoài ra, anh B còn có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp (trồng ổi, xoài) với mức 4.000.000 đồng – 4.500.000 đồng/tháng.

Do đó, anh B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

+ Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Đình B.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/4/2017 cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đình B không phải đóng góp phí tổn nuôi con và được quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng :

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trước lần khởi kiện này, chị Bùi Thị T đã có 03 lần khởi kiện yêu cầu TAND huyện H giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Đình B, và TAND huyện H cũng đã 03 lần ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do chị T rút đơn khởi kiện. Các Thẩm phán TAND huyện H đã tham gia giải quyết vụ án nên không còn Thẩm phán để giải quyết. Do đó, TAND tỉnh Quảng Trị rút hồ sơ vụ án lên để giải quyết theo đề nghị của TAND huyện H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục hòa giải:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 26/5/2020 và 19/6/2020. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi

kiện, các đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Đình B kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị vào ngày 24/02/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của chị Bùi Thị T xin được ly hôn anh Nguyễn Đình B, HĐXX thấy rằng: Đời sống hôn nhân của chị T và anh B không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, giữa chị T và anh B không còn quan tâm, yêu thương nhau. Chị T đã từng ba lần khởi kiện tại TAND huyện H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh B và cũng đã ba lần rút đơn khởi kiện, nhưng sau đó tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B vẫn không được cải thiện, hai bên không có thiện chí đoàn tụ để xây dựng cuộc sống chung vợ chồng cũng như chăm sóc, nuôi dạy cháu Q. Đây là lần thứ tư chị T gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh B, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh B cũng đồng ý ly hôn chị T. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh B.

[2.2] Về con chung:

Chị T và anh B có con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/4/2017. Cả chị T và anh B đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu cấp dưỡng.

HĐXX thấy rằng: Cả chị T và anh B đều đang sống cùng bố mẹ đẻ. Chị T hiện là công nhân may tại cơ sở may QH ở thị trấn K, có mức thu nhập từ 5.000.000 đồng – 5.200.000 đồng/tháng. Anh B làm công tác thu phí tại Trung tâm thương mại L, mức thu nhập hiện tại là 5.217.000 đồng/tháng và còn có thêm thu nhập từ sản xuất nông nghiệp (trồng chuối, xoài) từ 4.000.000 – 4.500.000 đồng/tháng.

Như vậy, cả chị T và anh B đều đảm B điều kiện vật chất, kinh tế để nuôi dưỡng cháu Q. Tuy điều kiện của anh B có phần tốt hơn chị T, nhưng cháu Nguyễn Như Q mới chỉ hơn 03 tuổi (đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì cháu Q tròn 03 tuổi 03 tháng), độ tuổi còn rất nhỏ, cháu Q lại là bé gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ trong sinh hoạt, phát triển thể chất, giới tính và tâm lý của cháu.

Do đó, cần giao cháu Nguyễn Như Q cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng để việc nuôi dạy cháu được đảm B đầy đủ về mọi mặt. Anh Nguyễn Đình B vẫn có quyền đi lại thăm nom con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 37, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Đình B ảo.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/4/2017 cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Đình B là người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0001710 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H , tỉnh Quảng Trị. Chị T đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã T ;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục THADS huyện H ;
- Phòng GĐKT;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Viết Nam